

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2 MÔN CÔNG NGHỆ CN 11
NĂM HỌC 2025-2026**

Câu 1: Theo sơ đồ cấu tạo hệ thống bôi trơn cưỡng bức, các te có chức năng là:

- A.** chứa dầu bôi trơn.
B. làm sạch dầu bôi trơn.
C. làm mát dầu bôi trơn.
D. bơm dầu bôi trơn.

Câu 2: Theo sơ đồ cấu tạo hệ thống bôi trơn cưỡng bức, kết làm mát có chức năng là:

- A.** chứa dầu bôi trơn. **B.** làm sạch dầu bôi trơn.
C. làm mát dầu bôi trơn. **D.** bơm dầu bôi trơn.

Câu 3: Khi hệ thống bôi trơn cưỡng bức làm việc bình thường, van an toàn bơm dầu (van 4), van an toàn lọc dầu (van 5) và van khống chế lưu lượng dầu qua kết làm mát (van 7) sẽ ở trạng thái nào sau đây?

- A.** Van 7 mở; van 4 và van 5 đóng.
B. Van 7 đóng; van 4 và van 5 mở.
C. Van 4 mở; van 5 và van 7 đóng.
D. Van 4 đóng; van 5 và van 7 mở.

Câu 4: Khi hệ thống bôi trơn cưỡng bức làm việc, nếu áp suất dầu ở trên các đường dầu vượt giá trị cho phép thì van an toàn bơm dầu sẽ:

- A. mở nhằm làm giảm áp suất lên các đường ống.**
B. mở nhằm làm tăng áp suất lên các đường ống.
C. đóng nhằm làm giảm áp suất lên các đường ống.
D. đóng nhằm làm tăng áp suất lên các đường ống.

Câu 5: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ “...” trong câu sau: “ Hệ thống bôi trơn có nhiệm vụ đưa dầu bôi trơn đến của các chi tiết để giảm ma sát và nhiệt độ giữa các chi tiết.”

- A.** Các bề mặt chi tiết
B. Các bộ phận có chuyển động quay
C. Các bề mặt làm việc
D. Các bộ phận có chuyển động tịnh tiến

Câu 6: Đâu không phải tác dụng của dầu bôi trơn?

- A.** Dầu bôi trơn làm giảm ma sát khi các chi tiết hoạt động.
B. Dầu bôi trơn làm sạch các chi tiết máy.
C. Dầu bôi trơn làm han gỉ các chi tiết máy.
D. Dầu bôi trơn làm kín kẽ hở giữa pít tông với xi lanh.

Câu 7: Nguyên nhân nào khiến dầu bôi trơn nóng lên khi động cơ làm việc?

- A.** Do dầu bôi trơn chảy qua các bề mặt ma sát nên khi các chi tiết nóng lên thì dầu sẽ nóng lên.
- B.** Do dầu bôi trơn chỉ đi bôi trơn trong kì cháy giãn nở (kì nổ) nên dầu bị nóng lên.
- C.** Do dầu bôi trơn được bơm hút và đẩy đi bôi trơn liên tục khi động cơ làm việc nên nóng lên.
- D.** Do dầu bôi trơn bám xung quanh buồng cháy của động cơ nên nóng lên khi động cơ làm việc.

Câu 8: Nguyên nhân khiến áp suất dầu vượt quá giá trị cho phép?

- A.** Vì dầu được bơm hút và đẩy dầu đi bôi trơn liên tục trong động cơ.
B. Vì dầu bôi trơn được chứa đầy trong các te, bơm hút liên tục đi bôi trơn mà kích cỡ đường ống không thay đổi.
C. Vì đường ống dẫn dầu đi bôi trơn trong động cơ thường rất nhỏ.
D. Vì đồng hồ báo áp suất dầu trên động cơ bị hỏng.

Câu 9: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng.

- A. Dầu bôi trơn loãng nên khi hệ thống bôi trơn làm việc, dầu dễ dàng đi qua van an toàn bơm dầu, van an toàn lọc dầu và van không chế lượng dầu qua kết làm mát.
- B. Dầu bôi trơn đặc nên khi hệ thống bôi trơn làm việc, dầu dễ dàng đi qua van an toàn bơm dầu, van an toàn lọc dầu và van không chế lượng dầu qua kết làm mát.
- C. Khi áp suất dầu trên đường ống vượt quá giá trị cho phép thì để giảm áp suất dầu lên các đường ống các van an toàn bơm dầu, van an toàn lọc dầu sẽ cùng được mở.
- D. Khi nhiệt độ dầu quá cao (khoảng 80°C) dầu dễ dàng đi qua kết làm mát vì khi đó dầu sẽ loãng hơn bình thường.

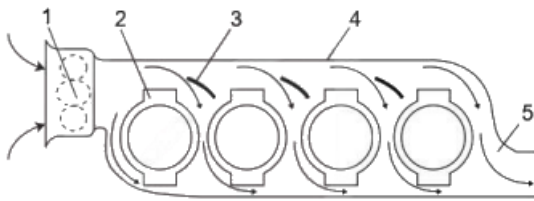
Câu 10: Hệ thống có nhiệm vụ giữ cho nhiệt độ các chi tiết của động cơ không vượt quá giới hạn cho phép là:

- A. hệ thống làm mát. B. hệ thống bôi trơn.
C. hệ thống nhiên liệu. D. hệ thống khởi động.

Câu 11: Căn cứ vào chất làm mát, hệ thống làm mát được chia thành:

- A. hệ thống làm mát bằng chất lỏng và hệ thống làm mát đối lưu tự nhiên.
B. hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức và hệ thống làm mát bằng không khí.
C. hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức và hệ thống làm mát bằng chất lỏng.
D. hệ thống làm mát bằng chất lỏng và hệ thống làm mát bằng gió.

Câu 12: Tên gọi của chi tiết số 2 trên hình 1 dưới đây là:



Hình 1

- A. cánh tản nhiệt. B. tấm hướng gió. C. quạt gió. D. vỏ bọc.

Câu 13: Trong quá trình làm việc của hệ thống làm mát bằng nước, yếu tố chủ yếu quyết định tốc độ lưu động của nước là:

- A. quạt gió. B. bơm nước. C. van hằng nhiệt. D. cánh tản nhiệt.

Câu 14: Khi động cơ hoạt động, nếu nhiệt độ nước làm mát của hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức còn thấp thì van hằng nhiệt sẽ:

- A. đóng đường thông với két nước và mở đường thông với ống nước tắt về bơm.
B. mở đường thông với két nước và đóng đường thông với ống nước tắt về bơm.
C. đóng đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.
D. mở đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.

Câu 15: Khi động cơ hoạt động, nếu nhiệt độ nước làm mát của hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức đạt đến giới hạn thì van hằng nhiệt sẽ:

- A. đóng đường thông với két nước và mở đường thông với ống nước tắt về bơm.
B. mở đường thông với két nước và đóng đường thông với ống nước tắt về bơm.
C. đóng đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.
D. mở đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.

Câu 16: Khi động cơ hoạt động, nếu nhiệt độ nước làm mát của hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức vượt giới hạn thì van hằng nhiệt sẽ:

- A. đóng đường thông với két nước và mở đường thông với ống nước tắt về bơm.
B. mở đường thông với két nước và đóng đường thông với ống nước tắt về bơm.
C. đóng đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.
D. mở đường thông với két nước và đường thông với ống nước tắt về bơm.

Câu 17: Trong động cơ vùng nào cần làm mát nhiều nhất?

- A. Cacte
- B. Thanh truyền và trục khuỷu
- C. Xi lanh
- D. Thân máy và nắp máy

Câu 18: Em hãy cho biết nguyên nhân làm cho động cơ nóng lên khi làm việc.

- A. Do nhiệt độ của kì nổ sinh ra khi động cơ làm việc.
- B. Do đèn xe hay xi nhan bật và tắt liên tục.
- C. Do khi xe di chuyển thì động cơ thường xuyên bị rung lắc mạnh.
- D. Do động cơ gắn trên xe hay máy móc làm việc trong thời tiết có nắng nóng.

Câu 19: Chọn đáp án sai cho câu hỏi sau: Vì sao trên động cơ phải có hệ thống làm mát?

- A. Vì để giữ cho nhiệt động các chi tiết không vượt quá giá trị cho phép.
- B. Vì hệ thống làm mát giúp động cơ không quá nóng cũng không quá lạnh, đảm bảo nhiên liệu cháy hết và giảm thiểu khí thải độc hại.
- C. Vì để giảm ma sát, mài mòn, làm kín, làm sạch và chống gỉ sét cho các chi tiết máy.
- D. Vì giúp các chi tiết bên trong bền bỉ hơn, giảm thiểu hao mòn và giảm chi phí sửa chữa.

Câu 20: Dựa vào tính chất lưu động của nước trong hệ thống làm mát thì hệ thống làm mát bằng nước có những loại nào?

- A. Bốc hơi, chảy tự nhiên, tuần hoàn cưỡng bức.
- B. Bốc hơi kín, đối lưu tự nhiên, tuần hoàn cưỡng bức.
- C. Bốc hơi hở, đối lưu tự nhiên, tuần hoàn cưỡng bức.
- D. Bốc hơi, đối lưu kín, tuần hoàn cưỡng bức.

Câu 21: Két nước trong hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn cưỡng bức có đặc điểm như thế nào?

- A. Két nước được chia làm hai ngăn. Ngăn trên và ngăn dưới được nối với nhau bằng giàn ống nhỏ.
- B. Két nước chứa nước nguội đi làm mát nên cấu tạo gồm hai ngăn đặt cạnh nhau để chứa được nhiều nước.
- C. Để tăng tốc độ làm mát nước thì két nước được gắn với quạt gió. Khi quạt gió hoạt động khiến cho gió đi qua két nước nên nước nhanh chóng giảm nhiệt độ.
- D. Két nước được nối với giàn ống nhỏ để tăng tốc độ lưu động của nước trong hệ thống.

Câu 22: Bộ phận quan trọng nhất trong cấu tạo của hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn cưỡng bức là:

- A. Két nước
- B. Bơm nước
- C. Van hằng nhiệt
- D. Đường ống

Câu 23: Bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống làm mát bằng không khí là:

- A. Quạt gió
- B. Cánh tản nhiệt
- C. Tấm hướng gió
- D. Vỏ bọc

Câu 24: Nước làm mát của động cơ thường được pha thêm chất phụ gia. Vì sao?

- A. Để tiết kiệm nhiên liệu cho động cơ khi làm việc.
- B. Giúp tăng công suất của động cơ phát ra truyền tới máy công tác.
- C. Tăng khả năng bôi trơn và chống gỉ, làm mát cho các chi tiết.
- D. Để tăng khả năng làm mát, chống bay hơi, chống đóng cặn.

Câu 25: Hệ thống nhiên liệu động cơ xăng có nhiệm vụ là:

- A. dự trữ, cung cấp nhiên liệu (xăng) và tạo thành hòa khí phù hợp với các chế độ làm việc của động cơ.
- B. dự trữ, cung cấp hỗn hợp dầu diesel và không khí phù hợp với các chế độ làm việc của động cơ.
- C. cung cấp nhiên liệu sạch phù hợp với các chế độ làm việc của động cơ.

D. cung cấp không khí sạch phù hợp với các chế độ làm việc của động cơ.

Câu 26: Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel có nhiệm vụ là:

A. dự trữ, cung cấp không khí và dầu diesel vào trong xi lanh.

B. dự trữ, cung cấp không khí và xăng vào trong xi lanh.

C. cung cấp không khí sạch vào trong xi lanh.

D. cung cấp nhiên liệu sạch vào trong xi lanh.

Câu 27: Theo sơ đồ hệ thống nhiên liệu dùng bộ chế hòa khí, hòa khí được hòa trộn tại:

A. đường ống nạp. B. họng khuếch tán. C. xi lanh. D. buồng phao.

Câu 28: Theo sơ đồ hệ thống phun xăng, hòa khí được hòa trộn tại:

A. đường ống nạp. B. họng khuếch tán. C. xi lanh. D. buồng phao.

Câu 29: Theo nguyên lí làm việc của hệ thống phun xăng, nhiên liệu được chuyển đến vòi phun với áp suất cao và ổn định là nhờ vào:

A. bộ điều chỉnh áp suất.

B. bộ điều khiển áp suất.

C. điều khiển phun.

D. xi lanh động cơ.

Câu 30: Theo nguyên lí làm việc của hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel, thời điểm không khí nạp vào xi lanh động cơ là

A. kì nạp.

B. kì nén.

C. kì nổ.

D. kì xả.

Câu 31: Trong động cơ xăng 4 kì, thời điểm bugi đánh lửa là:

A. cuối kì nén.

B. kì nén.

C. cuối kì nạp.

D. kì nổ.

Câu 32: Trong động cơ diesel 4 kì, thời điểm tạo ra tia lửa điện để châm cháy hòa khí trong xilanh là

A. cuối kì

nén.

B. kì nén.

C. cuối kì nạp.

D. không có.

Câu 33: Ở động cơ diesel, hòa khí được hình thành ở đâu ?

A. Bộ chế hòa khí

B. Đường ống nạp

C. Vòi phun

D. Trong xilanh

Câu 34: Điền từ vào chỗ chấm: Nhiệm vụ của hệ thống là cung cấp tia lửa điện cao áp để châm cháy hòa khí trong xi lanh động cơ xăng đúng thời điểm.

A. làm mát.

B. bôi trơn.

C. khởi động.

D. đánh lửa.

Câu 35: Nhiệm vụ của hệ thống khởi động là:

A. làm quay trục khuỷu động cơ đến số vòng quay lớn để động cơ tự làm việc được

B. làm quay trục khuỷu và bánh đà của động cơ đến khi động cơ ngừng làm việc

C. làm quay bánh đà đến số vòng quay nhất định để động cơ tự nổ máy được

D. làm quay trục khuỷu động cơ đến số vòng quay nhất định để động cơ tự nổ máy được

Câu 36: Hệ thống khởi động bằng sức người thường được áp dụng cho loại động cơ nào sau đây?

A. Động cơ có công suất lớn.

B. Động cơ có công suất trung bình.

C. Động cơ có công suất nhỏ.

D. Động cơ có công suất nhỏ và trung bình.

Câu 37: Nhiệm vụ của hệ thống đánh lửa là:

A. tạo ra tia lửa điện cao áp để châm cháy hòa khí trong xilanh động cơ đúng thời điểm.

B. tạo ra tia lửa điện cao áp để châm cháy hòa khí trong xilanh động cơ xăng đúng thời điểm.

C. tạo ra tia lửa điện cao áp để châm cháy hòa khí trong xilanh đúng thời điểm.

D. tạo ra lửa để châm cháy hòa khí trong xilanh đúng lúc.

Câu 38: Trong xilanh động cơ xăng 4 kì, cuối kì nén xảy ra hiện tượng nào?

A. vòi phun phun nhiên liệu.

B. vòi phun phun hòa khí.

C. bugi đánh lửa.

D. phun nhiên liệu và đánh lửa.

Câu 39: Nhiệm vụ của hệ thống xử lý khí thải là:

- A. xử lý, giảm bớt nồng độ các chất độc hại trong khí nạp của động cơ trong quá trình động cơ làm việc.
- B. xử lý, giảm bớt nồng độ các chất độc hại trong khí thải của động cơ trước khi thải ra môi trường trong quá trình động cơ làm việc.
- C. xử lý các chất trong khí thải của động cơ trước khi thải ra môi trường trong quá trình động cơ làm việc.
- D. xử lý, giảm nồng độ các chất trong khí thải của động cơ trước khi thải ra môi trường trong quá trình động cơ làm việc.

Câu 40: Khớp bánh răng khởi động ăn khớp với vành răng của bánh đà khi

- A. động cơ làm việc.
- B. khởi động động cơ.
- C. động cơ đang hoạt động.
- D. động cơ dừng hoạt động.

Câu 41: Bộ xử lý ba thành phần được đặt tại vị trí:

- A. giữa đường ống thải động cơ và bộ giảm âm, gần bộ giảm âm hơn.
- B. giữa đường ống thải động cơ và bộ giảm âm, gần ống thải hơn.
- C. đặt ở giữa đường ống thải động cơ và bộ giảm âm,
- D. đặt trong đường ống thải động cơ.

Câu 42: Tác dụng của luân hồi khí thải trong động cơ Diesel là giảm phát thải

- A. khí O_2
- B. khí CO_2
- C. khí NO_x
- D. khí SO_x

Câu 43: Nêu những cách khởi động trên xe Honda Cub 50.

- A. khởi động bằng cách giật dây.
- B. khởi động bằng cần đạp nổ.
- C. khởi động bằng tay quay.
- D. Khởi động bằng động cơ phụ.

Câu 44: Bộ phận nào của ô tô có chức năng dùng để điều khiển hướng chuyển động của ô tô?

- A. Hệ thống truyền lực
- B. Hệ thống lái
- C. Hệ thống treo
- D. Hệ thống phanh

Câu 45: Hệ thống nào có nhiệm vụ đảm giúp người lái xe được thuận tiện khi di chuyển trong trời tối?

- A. Hệ thống cung cấp nhiên liệu
- B. Hệ thống chiếu sáng
- C. Hệ thống thông tin và tín hiệu
- D. Hệ thống kiểm tra theo dõi

Câu 46: Hệ thống truyền lực thuộc phần nào của ô tô?

- A. Phần động cơ
- B. Phần gầm xe
- C. Phần điện - điện tử
- D. Phần thân vỏ

Câu 47: Ô tô cứu thương thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm ô tô chở người
- B. Nhóm ô tô chở hàng hóa
- C. Nhóm ô tô chuyên dụng
- D. Nhóm ô tô chở khách

Câu 48: Ô tô xe buýt thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm ô tô chở người
- B. Nhóm ô tô chở hàng hóa
- C. Nhóm ô tô chuyên dụng
- D. Nhóm ô tô đặc thù

Câu 49: Hệ thống đánh lửa thuộc phần nào của ô tô?

- A. Phần động cơ
- B. Phần gầm
- C. Phần điện - điện tử
- D. Phần thân vỏ

Câu 50: Hệ thống bôi trơn thuộc phần nào của ô tô?

- A. Phần động cơ
- B. Phần gầm
- C. Phần điện - điện tử
- D. Phần thân vỏ

Câu 51: Hệ thống nào biến đổi momen từ động cơ đến bánh xe chủ động làm xe chuyển động?

- A. Hệ thống đánh lửa
- B. Hệ thống truyền lực

C. Hệ thống lái

D. Hệ thống cung cấp điện

Câu 52: Hệ thống nào trong phần gần giúp xe chuyển động êm khi đi trên đường mấp mô?

A. Hệ thống truyền lực

B. Hệ thống treo

C. Hệ thống lái

D. Hệ thống phanh

Câu 53: Vai trò của ô tô trong đời sống là?

A. Vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất, chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau

B. Chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau, phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, ...

C. Vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng, vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất

D. Phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng

Câu 54: Vai trò của ô tô trong sản xuất là?

A. Chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau, phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, ...

B. Phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng

C. Vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng, vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất

D. Vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất, Chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau

Câu 55: Số phát biểu đúng trong các phát biểu sau là?

A. Phần thân vỏ có nhiệm vụ tạo khoang kín để thực hiện bảo vệ hành khách, hàng hóa khỏi ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài.

B. Ô tô có thể làm việc trong nhiều điều kiện vận chuyển khác nhau như đồng bằng, miền núi, hải cảng, nhà ga, sân bay, ...

C. Phần điện - điện tử có nhiệm vụ chuyển hóa năng lượng nhiệt năng, điện năng, thành cơ năng giúp ô tô chuyển động và dẫn động các hệ thống khác.

D. Ô tô là phương tiện giao thông đường bộ, có từ 4 bánh xe trở lên, dùng để chuyên chở người, hàng hóa hoặc thực hiện nhiệm vụ riêng.

Câu 56: Chức năng của bánh xe và hệ thống treo.

A. Đỡ toàn bộ khung xe

B. Tiếp nhận lực tác dụng từ mặt đường lên ô tô

C. Đỡ toàn bộ khung xe, tiếp nhận lực tác dụng từ mặt đường lên ô tô

D. Để xe chuyển động an toàn

Câu 57: Hãy kể tên một số bộ phận chính của ô tô.

A. Động cơ, hệ thống truyền lực, bánh xe, hệ thống lái, hệ thống phanh, khung vỏ, hệ thống điện và điện tử

B. Động cơ, hệ thống truyền lực, bánh xe, hệ thống phanh, khung vỏ, hệ thống điện và điện tử

C. Động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống lái, hệ thống phanh, khung vỏ, hệ thống điện và điện tử

D. Động cơ, hệ thống truyền lực, bánh xe, hệ thống lái, khung vỏ, hệ thống điện và điện tử

Câu 58: Hệ thống ABS có chức năng gì?

- A. Chống bó cứng phanh
B. Chống trượt
C. Chống tiêu tốn nhiên liệu
D. Chống sóc

Câu 59: Hệ thống TCS có chức năng gì?

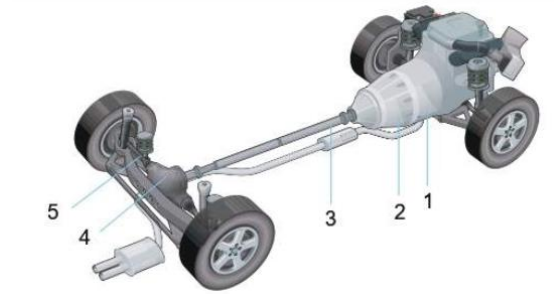
- A. Chống bó cứng phanh
B. Chống trượt
C. Chống tiêu tốn nhiên liệu
D. Chống sóc

Câu 60: Bộ phận có nhiệm vụ truyền hoặc ngắt dòng truyền mômen trong những trường hợp cần thiết là:

- A. li hợp. B. bộ vi sai. C. truyền lực các đăng. D. truyền lực chính.

Câu 61: Quan sát hình ảnh và cho biết, bộ phận ở vị trí số 3 là bộ phận nào?

- A. Li hợp.
B. Hộp số.
C. Truyền lực chính và vi sai.
D. Truyền lực các đăng.



Câu 62: Hệ thống truyền lực trên ô tô gồm các bộ phận chính:

- A. Động cơ, bánh xe, tay lái, giảm sóc, phanh.
B. Li hợp, hộp số, trục các đăng, truyền lực chính và bộ vi sai, các bán trục.
C. Đèn pha, đèn xi nhan, gương chiếu hậu.
D. Bộ phận còi, cần gạt nước, gầm xe, thân vỏ, bộ phận điều khiển.

Câu 63: Nhiệm vụ của li hợp là

- A. ngắt, nối truyền mômen từ động cơ đến hộp số.
B. truyền mômen từ động cơ đến hộp số.
C. ngắt, truyền mômen từ động cơ đến hộp số.
D. nối mômen từ động cơ đến hộp số.

Câu 64: Hộp số trên ô tô nằm ở

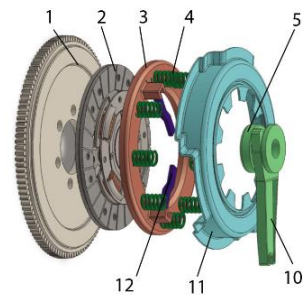
- A. trước li hợp. B. giữa li hợp và truyền lực các đăng.
C. sau truyền lực chính và bộ vi sai. D. giữa động cơ và li hợp.

Câu 65: Khi động cơ đặt ở đầu xe, cầu sau chủ động, mô men truyền lực từ hộp số đến cầu sau chủ động trên ô tô phải thông qua bộ phận nào?

- A. Bánh xe. B. Li hợp.
C. Truyền lực chính và bộ vi sai. D. Truyền lực các đăng.

Câu 66: Hình ảnh dưới đây là những chi tiết thuộc bộ phận nào trên ô tô?

- A. Hộp số.
B. Li hợp.
C. Truyền lực chính và bộ vi sai.
D. Truyền lực các đăng.



Câu 67: Nhiệm vụ nào sau đây không phải của hộp số?

- A. Ngắt tạm thời dòng truyền mômen của động cơ để có thể dừng xe hoặc chuyển số.
- B. Nối hoặc ngắt (lâu dài) dòng truyền mômen chủ động từ động cơ đến các bánh xe chủ động để có thể chuyển động hoặc dừng lâu dài.
- C. Thay đổi tỉ số truyền của hệ thống truyền lực để thay đổi mô men chủ động.
- D. Đổi chiều mô men chủ động đến bánh xe để ô tô có thể chuyển động lùi.

Câu 68: Bộ phận có nhiệm vụ phân phối mômen cho hai bán trục của hai bánh xe chủ động, cho phép bánh xe quay với tốc độ khác nhau là

- A. trục cardan. B. truyền lực chính. C. bộ vi sai. D. bán trục.

Câu 69: Bộ phận có nhiệm vụ thay đổi mômen và tốc độ phù hợp với chuyển động của ô tô, ngắt dòng truyền mômen trong thời gian tùy ý là

- A. li hợp. B. hộp số. C. trục cardan. D. truyền lực chính.

Câu 70: Bộ phận có nhiệm vụ truyền mômen giữa hai trục vuông góc nhau, giảm số vòng quay và tăng mômen quay cho bán trục là

- A. truyền lực các đăng. B. truyền lực chính. C. bộ vi sai. D. bánh xe.

Câu 71: Trên ô tô, đĩa ép là chi tiết thuộc bộ phận nào ?

- A. li hợp. B. hộp số. C. truyền lực chính. D. truyền lực các đăng.

Câu 72: Bộ phận không thuộc hệ thống truyền lực trên ô tô là:

- A. trục li hợp. B. trục khuỷu. C. trục cardan. D. hộp số.

Câu 73: Li hợp là bộ phận trung gian nằm giữa:

- A. hộp số và trục cardan. B. trục cardan và bánh xe chủ động.
- C. hộp số và bánh xe chủ động. D. động cơ và hộp số.

Câu 74: Bộ phận cho phép hai bánh xe quay với tốc độ khác nhau khi xe ô tô quay vòng là:

- A. bộ vi sai. B. hộp số. C. truyền lực chính. D. trục cardan.

Câu 75: Động cơ đặt ở đuôi xe, cầu sau chủ động thì hệ thống truyền lực trên ô tô không có

- A. li hợp. B. hộp số. C. trục cardan. D. truyền lực chính.

Câu 77: Khi li hợp ở trạng thái đóng, các bộ phận liên kết với nhau thành một khối là:

- A. đĩa ép và bánh đà. B. bánh đà và đĩa ma sát.
- C. bánh đà, đĩa ma sát và đĩa ép. D. đĩa ép và đĩa ma sát.

Câu 78: Hệ thống truyền lực trên ô tô có thể không có bộ phận :

- A. vi sai. B. hộp số. C. cardan. D. li hợp.

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI và TỰ LUẬN

1. Hệ thống bôi trơn.
2. Hệ thống làm mát.
3. Hệ thống nhiên liệu trong động cơ xăng.
4. Hệ thống nhiên liệu trong động cơ diesel.
5. Hệ thống truyền lực.

GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI VẬN DỤNG

Câu 1: Ở một cửa hàng bán xe ô tô, có một vị khách mua xe phân vân giữa xe số sàn và xe số tự động, em hãy đóng vai trò là nhân viên bán xe, bằng những hiểu biết của mình em hãy phân tích hai loại hộp số nói trên để giúp khách hàng lựa chọn đúng yêu cầu, hoàn cảnh đặt ra của khách hàng.

Câu 2: Hãy cho biết vì sao phải đưa cần số của hộp số thường về vị trí trung gian trước khi khởi động động cơ?

Câu 3: Hãy tìm hiểu và cho biết xe máy có: hộp số, truyền lực chính và bộ vi sai hay không. Hộp số trên xe máy có số lùi hay không?

Câu 4: Chị Q quên thay dầu cho xe máy của mình. Em hãy đóng vai trò nhân viên bán hàng để giúp chị Q hiểu rõ tầm quan trọng của các lần thay dầu bôi trơn (nhớt) định kì cho động cơ xe máy?

Câu 5: Để có phương tiện đi làm, anh B mua một chiếc xe máy Honda Wave. Một hôm, khi sang nhà anh B chơi, em thấy anh B đang tháo gương và tháo yếm xe. Bằng kiến thức đã học, Em hãy đưa ra lời khuyên phù hợp nhất cho anh B.

Câu 6: Phân biệt hệ thống làm mát trên xe máy Honda SH và xe máy Honda Dream. Nêu ưu, nhược điểm của mỗi hệ thống làm mát trên.

Câu 7: Phân biệt hệ thống nhiên liệu trên xe Honda Cub 50 và xe Honda Lead. Nêu ưu, nhược điểm của mỗi hệ thống nhiên liệu trên.

Câu 8: Trình bày nhiệm vụ, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của li hợp trên ô tô? Cách sử dụng và bảo dưỡng li hợp ô tô?

Câu 9: Trình bày nhiệm vụ, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của hộp số trên ô tô? Cách sử dụng và bảo dưỡng hộp số ô tô?

Câu 10: Trình bày nhiệm vụ, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của truyền lực chính và bộ vi sai trên ô tô? Cách sử dụng và bảo dưỡng truyền lực chính và bộ vi sai ô tô?